

**BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XIX
TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XX**

Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; đổi mới toàn diện, phát triển đột phá, phấn đấu đưa Nghệ An trở thành tỉnh khá, cực tăng trưởng tầm quốc gia trong kỷ nguyên phát triển mới

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XX diễn ra trong bối cảnh quốc tế, khu vực thay đổi nhanh, diễn biến rất phức tạp, khó dự báo. Sau 40 năm đổi mới, cơ đồ, tiềm lực của đất nước và của tỉnh đã được nâng lên một tầm cao mới. Với phương châm "Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển", Đại hội xác định tầm nhìn, tư duy đổi mới và những quyết sách phấn đấu đưa Nghệ An trở thành tỉnh khá, cực tăng trưởng tầm quốc gia, cùng với cả nước hoàn thành các mục tiêu phát triển đến năm 2030, hướng đến hiện thực hóa khát vọng Việt Nam hùng cường vào năm 2045.

**Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI
ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIX**

Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Nghệ An triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn, thách thức hơn so với dự báo, nhất là tác động nghiêm trọng của đại dịch Covid-19, biến đổi khí hậu, thiên tai và những biến động phức tạp của tình hình thế giới. Bám sát định hướng chỉ đạo của Trung ương và yêu cầu thực tiễn, Tỉnh ủy, cấp ủy các cấp đã lãnh đạo hệ thống chính trị cùng với Nhân dân phát huy tinh thần đoàn kết, chủ động, linh hoạt, triển khai đồng bộ nhiệm vụ trên các lĩnh vực, đồng thời tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, chương trình, đề án lớn của nhiệm kỳ.

A- KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIX

I- Công tác xây dựng đảng và xây dựng hệ thống chính trị thường xuyên được chú trọng, đổi mới mạnh mẽ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả

1. Xây dựng đảng về chính trị, tư tưởng và đạo đức và công tác dân vận được tăng cường, có nhiều đổi mới rõ nét, đạt kết quả tích cực

Tỉnh ủy và các cấp ủy, tổ chức đảng giữ vững bản lĩnh chính trị, lãnh đạo sâu sát, toàn diện đối với tổ chức bộ máy, cán bộ và hoạt động của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng; thực hiện tốt trách nhiệm định hướng và chỉ đạo đổi mới, nâng cao hiệu quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại của địa phương; lãnh đạo, chỉ đạo xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

Công tác quán triệt, tuyên truyền các chủ trương, nghị quyết của Đảng có nhiều đổi mới về phương pháp, cách thức và đạt được hiệu quả cao; việc ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông đa phương tiện trong công tác tuyên truyền, giáo dục được triển khai phổ biến ở các cấp, với nhiều cách làm phong phú, sáng tạo. Cấp ủy các cấp thường xuyên chú trọng nắm tình hình dư luận, kịp thời định hướng thông tin nhất là các vấn đề nhạy cảm, phức tạp; chủ động đấu tranh phản bác hiệu quả với các luận điệu sai trái, xấu độc, nhất là trên không gian mạng. Nhận thức chính trị, niềm tin của cán bộ, đảng viên, nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng tiếp tục được nâng lên.

Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được triển khai thường xuyên, liên tục; có thêm nhiều mô hình, cách làm hay, sáng tạo và gương điển hình lan tỏa tích cực trong Đảng và trong xã hội. Việc thực hiện các quy định của Đảng về nêu gương, về chuẩn mực đạo đức cách mạng và kiểm soát quyền lực được chú trọng. Ý thức chấp hành kỷ cương, kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tinh thần, thái độ, tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức ở các cấp có nhiều chuyển biến tích cực.

Các cấp ủy, tổ chức trong hệ thống chính trị phối hợp thực hiện đồng bộ, hiệu quả công tác vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước. Công tác dân vận của các cơ quan nhà nước được chú trọng gắn với chấp hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho Nhân dân và doanh nghiệp. Công tác dân vận vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào có đạo thường xuyên được quan tâm. Việc tiếp xúc, đối thoại với Nhân dân được triển khai thường xuyên, góp phần giải quyết kịp thời các vấn đề đặt ra ở cơ sở. Phong trào thi đua “Dân vận khéo” được triển khai rộng khắp, góp phần tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

2. Công tác xây dựng đảng về tổ chức và công tác cán bộ được tiến hành đồng bộ, quyết liệt, đạt nhiều kết quả quan trọng

Việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được triển khai nghiêm túc, quyết liệt, đúng yêu cầu, mục tiêu, tiến độ. Các tổ chức đảng thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại đã nhanh chóng kiện toàn, đi vào hoạt động ổn định, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Công tác xây dựng tổ chức đảng ở cơ sở, đặc biệt là xây dựng, củng cố tổ chức đảng vùng đặc thù, vùng khó khăn, trong doanh nghiệp tư nhân thường xuyên được quan tâm. Số đảng viên kết nạp mới trong nhiệm kỳ đạt mục tiêu đề ra, trong đó tỷ lệ đảng viên mới kết nạp trong doanh nghiệp tư nhân, chủ doanh nghiệp tăng mạnh.

Công tác cán bộ thường xuyên được chăm lo, thực hiện bài bản, nhất là công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ và công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Kịp thời kiện toàn cán bộ ở những nơi ách yếu gắn với luân chuyển, điều động cán bộ của hệ thống chính trị các cấp. Đặc biệt, đã thực hiện đồng bộ, kịp thời việc sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ theo yêu cầu tinh giản bộ máy và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

3. Công tác kiểm tra, giám sát và công tác nội chính, cải cách tư pháp, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được chú trọng

Tỉnh ủy và các cấp ủy thường xuyên chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện toàn diện công tác kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng. Công tác kiểm tra đã tập trung vào các trọng tâm, trọng điểm, lĩnh vực, nội dung thường xảy ra vi phạm. Thực hiện nghiêm túc, kịp thời yêu cầu chỉ đạo của Trung ương về kiểm tra và xử lý các tập thể, cá nhân có vi phạm liên quan đến việc thực hiện một số gói thầu, dự án đầu tư. Công tác giám sát chuyên đề và giám sát thường xuyên được chú trọng, qua giám sát thường xuyên đã chủ động lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, xử lý các vướng mắc, tồn đọng, vi phạm trong thực hiện các dự án đầu tư và công tác quản lý, điều hành, sử dụng ngân sách nhà nước. Việc kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm được thực hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh nhiều tổ chức đảng, đảng viên, cấp ủy viên, cán bộ vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp được cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ, phù hợp với thực tiễn địa phương. Tổ chức bộ máy, hoạt động của các cơ quan tư pháp và đội ngũ cán bộ tư pháp, hỗ trợ tư pháp ngày càng hoàn thiện. Công tác khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện bảo đảm yêu cầu về chính trị, pháp luật, nghiệp vụ. Các vụ án, vụ việc phức tạp, nổi cộm, dư luận xã hội quan tâm được đưa

vào diện theo dõi, chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên. Công tác tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo được chú trọng thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

4. Công tác quản lý, điều hành của chính quyền và các cơ quan Nhà nước có nhiều đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả

Hội đồng nhân dân các cấp có nhiều đổi mới về hoạt động giám sát, tổ chức kỳ họp, ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là tổ chức nhiều kỳ họp chuyên đề để quyết định kịp thời các nội dung thuộc thẩm quyền. Công tác quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp có sự đổi mới mạnh mẽ theo hướng sâu sát, cụ thể, rõ trách nhiệm, có trọng tâm, trọng điểm, ứng phó linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương.

Công tác cải cách hành chính được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, thực chất và nâng cao hiệu quả. Hoạt động thực thi công vụ thực hiện theo phương châm chuyển từ “giải thích, giải trình” sang “giải pháp, giải quyết”, đồng hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành và thực hiện dịch vụ công được đẩy mạnh, đạt kết quả tích cực.

5. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, đóng góp tích cực, thiết thực, hiệu quả vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tỉnh

Thực hiện tốt vai trò vận động, tập hợp, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng các tầng lớp Nhân dân. Tích cực tham gia thực hiện nhiều nhiệm vụ lớn ở địa phương, nổi bật là công tác hỗ trợ phòng chống dịch Covid-19, bảo đảm an sinh xã hội, hoạt động đền ơn, đáp nghĩa, giảm nghèo, khắc phục hậu quả thiên tai. Chủ trì, phối hợp tổ chức bài bản việc tiếp xúc cử tri, đối thoại với Nhân dân. Triển khai được nhiều hoạt động giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

II- Phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường đạt nhiều kết quả quan trọng

1. Kinh tế tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển biến tích cực, chất lượng tăng trưởng được nâng lên

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân đạt khoảng 8,3 - 8,5%/năm, cao hơn mức tăng giai đoạn 2016 - 2020. Quy mô GRDP gấp 1,7 lần, GRDP bình quân đầu người gấp 1,67 lần so với năm 2020. Cơ cấu kinh tế chuyển biến tích cực, tỷ trọng công nghiệp tăng nhanh, dịch vụ phát triển đa dạng, nông nghiệp chuyển dịch mạnh trong nội ngành theo hướng nâng cao hiệu quả. Năng suất lao động tăng bình quân 8,2%/năm.

Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt khoảng 40%. Thu ngân sách nhà nước đạt mục tiêu đề ra, gấp 1,7 lần, chi đầu tư phát triển gấp 1,43 lần so với nhiệm kỳ trước. Đầu tư công được quản lý, phân bổ và sử dụng có trọng tâm, trọng điểm, cơ bản khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kéo dài.

Công nghiệp - xây dựng phát triển mạnh, đóng vai trò là động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế: Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm khu vực công nghiệp - xây dựng bình quân ước đạt 11,85%. Công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng chủ yếu; có thêm nhiều sản phẩm công nghiệp mới, linh kiện điện tử, thiết bị công nghệ cao. Sản xuất tiêu thủ công nghiệp và làng nghề tiếp tục phát triển, có thêm 20 làng nghề đạt tiêu chuẩn so với năm 2020. Hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp phát triển nhanh. Triển khai thêm 06 khu công nghiệp và mở rộng 01 khu công nghiệp với tổng diện tích hơn 1.800 ha; thu hút đầu tư hạ tầng 08 cụm công nghiệp.

Các công trình trọng điểm được tập trung chỉ đạo, ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư. Hoàn thành, đưa vào sử dụng nhiều dự án giao thông quan trọng. Phối hợp triển khai bảo đảm tiến độ các dự án trọng điểm quốc gia đi qua địa bàn tỉnh. Xây dựng mới và nâng cấp một số công trình truyền tải điện, trạm biến áp. Hệ thống thủy lợi, cấp nước sạch tiếp tục được đầu tư, cải tạo. Hạ tầng thương mại, dịch vụ, du lịch phát triển nhanh; hạ tầng bưu chính, viễn thông và hạ tầng số được nâng cấp, mở rộng.

Dịch vụ phát triển nhanh, đa dạng và duy trì tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của tỉnh: Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm ngành dịch vụ bình quân ước đạt 7,7%. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng bình quân 12,73%/năm. Kim ngạch xuất khẩu năm 2025 ước đạt 4,5 tỷ USD, tăng gấp 2,98 lần so với năm 2020, vượt 155% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội. Dịch vụ tài chính, ngân hàng phát triển nhanh với mạng lưới phủ rộng, đầy đủ các loại hình, đứng đầu khu vực Bắc Trung Bộ về tổng huy động vốn và dư nợ tín dụng. Các dịch vụ vận tải, logistics, kinh doanh bất động sản, bưu chính, viễn thông tiếp tục mở rộng và phát triển. Ngành du lịch phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch Covid-19, tốc độ tăng trưởng khách du lịch bình quân ước đạt 27,1%, sản phẩm du lịch ngày càng đa dạng và nâng cao chất lượng, du lịch nội tỉnh phát triển mạnh.

Nông, lâm nghiệp, thủy sản phát triển ổn định và nâng cao chất lượng, hiệu quả; chương trình xây dựng nông thôn mới đạt nhiều thành tựu quan trọng: Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm bình quân ước đạt 4,55%. Cơ cấu kinh tế nội ngành tiếp tục chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng trồng trọt, tăng tỷ trọng chăn nuôi và dịch vụ. Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp được mở rộng, hình thành thêm nhiều cơ sở chế biến sâu

các sản phẩm nông, lâm nghiệp. Thực hiện tốt kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng, phát triển sản xuất lâm nghiệp theo hướng bền vững, tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 58%. Lĩnh vực thủy sản được cơ cấu lại theo hướng tăng tỷ trọng nuôi trồng các sản phẩm có giá trị kinh tế cao, khai thác hải sản xa bờ, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả. Kinh tế hộ, kinh tế trang trại được chú trọng phát triển.

Chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM) đạt nhiều kết quả quan trọng. Trước thời điểm sáp nhập và tổ chức lại đơn vị hành chính thành 2 cấp, có 75,97% số xã đạt chuẩn NTM (trong đó 37,09% đạt chuẩn NTM nâng cao, 5,81% đạt NTM kiểu mẫu); có 10 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Hệ thống kết cấu hạ tầng, môi trường, cảnh quan, đời sống khu vực nông thôn tiếp tục được cải thiện rõ nét.

Kinh tế biển chuyển dịch đúng hướng, phát triển khá toàn diện, từng bước hướng tới trở thành động lực phát triển kinh tế của tỉnh. Nhận thức về phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo được nâng lên. Các tiềm năng, thế mạnh như cảng biển, phát triển du lịch biển, đánh bắt, nuôi trồng và chế biến thủy sản được chú trọng khai thác, phát huy hiệu quả. Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế biển từng bước được đầu tư xây dựng, nâng cấp. Các địa phương khu vực ven biển đóng góp khoảng 27,55% tổng quy mô GRDP; giá trị tăng thêm bình quân đầu người vùng biển và ven biển cao gấp 1,27 lần so với bình quân toàn tỉnh.

Huy động các nguồn lực đầu tư đạt kết quả cao, góp phần tích cực vào tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt khoảng 500.000 tỷ đồng, gấp hơn 1,7 lần so với giai đoạn 2016 - 2020. Đầu tư ngoài khu vực nhà nước tăng nhanh về quy mô, số lượng và chất lượng dự án, trong đó thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt kết quả vượt bậc. Trong 3 năm 2022 - 2024, liên tục đứng trong nhóm 10 địa phương thu hút FDI lớn nhất cả nước, với tổng vốn đăng ký đạt trên 4,8 tỷ USD, gấp 4,5 lần số vốn lũy kế từ năm 2020 trở về trước; thu hút được nhiều tập đoàn công nghệ lớn hàng đầu thế giới vào đầu tư sản xuất, kinh doanh, hình thành các chuỗi sản xuất công nghiệp công nghệ cao và chế biến sâu.

Số doanh nghiệp thành lập mới tăng 1,6 lần; vốn đăng ký bình quân tăng gấp 2 lần so với giai đoạn trước. Hoạt động của hợp tác xã có chuyển biến tích cực, một số hợp tác xã đã tham gia vào chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Tổ hợp tác, kinh tế hộ tiếp tục phát triển, góp phần tạo việc làm, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực xã hội, tác động tích cực đến kết quả chung của nền kinh tế.

Các khu vực kinh tế trọng điểm phát triển khá nhanh, đóng góp lớn vào sự phát triển của cả tỉnh; vùng miền Tây tiếp tục có bước phát triển theo hướng bền vững:

Khu vực đô thị trung tâm của tỉnh đã triển khai nhiều quy hoạch, chương trình, dự án trọng điểm. Tốc độ tăng trưởng bình quân ước đạt 9,8%; quy mô chiếm khoảng 26% GRDP của tỉnh. Các lĩnh vực du lịch, y tế, giáo dục và đào tạo bước đầu hình thành yếu tố trung tâm vùng.

Khu kinh tế Đông Nam phát triển mạnh, là địa bàn trọng điểm trong thu hút đầu tư, thể hiện rõ vai trò động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Hiện có 163 doanh nghiệp đang hoạt động trong khu kinh tế, tạo việc làm cho gần 60.000 lao động.

Khu vực trọng điểm phía Bắc của tỉnh phát triển khá nhanh; tốc độ tăng trưởng kinh tế luôn duy trì ở mức bình quân trên 14%. Các khu công nghiệp trong khu vực đã và đang được đầu tư hạ tầng đồng bộ, thu hút được nhiều dự án, trong đó một số dự án có tổng mức đầu tư lớn.

Vùng miền Tây của tỉnh tiếp tục phát triển theo hướng bền vững. Đã hình thành một số vùng sản xuất cây nguyên liệu tập trung quy mô lớn và nhiều mô hình chăn nuôi hiệu quả. Dịch vụ, nhất là du lịch đã được chú trọng phát triển. Hệ thống kết cấu hạ tầng tiếp tục được đầu tư xây dựng. Các đô thị tiêu vùng thu hút được nhiều dự án đầu tư hạ tầng, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân tiếp tục được cải thiện và nâng lên. Việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, bảo vệ môi trường sinh thái và bảo đảm quốc phòng, an ninh được chú trọng.

Công tác quy hoạch đạt nhiều kết quả quan trọng, hệ thống đô thị tiếp tục phát triển theo hướng văn minh, hiện đại: Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cùng nhiều quy hoạch quan trọng khác đã được lập, phê duyệt; cơ bản hoàn thành quy hoạch chung các đô thị. Chất lượng quy hoạch được nâng lên, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ với quy hoạch vùng và quốc gia. Hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội các đô thị được đầu tư xây dựng ngày càng đồng bộ; hình thành thêm nhiều khu đô thị mới hiện đại.

2. Quản lý đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được chú trọng

Đã rà soát, xây dựng và ban hành đồng bộ, kịp thời các cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của địa phương. Hoàn thành và đưa vào vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai, phần mềm quản lý dự án đầu tư trên địa bàn toàn tỉnh. Công tác bảo vệ tài nguyên nước và khai thác khoáng sản được chấn chỉnh, nâng cao hiệu

quả. Các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và xử lý ô nhiễm môi trường được chú trọng, nhất là trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp và quá trình triển khai các dự án. Việc thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị và nông thôn được thực hiện tốt hơn. Các chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội đã gắn với công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Khoa học, công nghệ và chuyển đổi số được chú trọng, đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

Nhận thức về vai trò của khoa học, công nghệ trong hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân được nâng lên. Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo bước đầu được hình thành và phát triển; các hoạt động hỗ trợ đổi mới sáng tạo được quan tâm thúc đẩy. Điểm kết nối cung - cầu công nghệ vùng Bắc Trung Bộ được thành lập và đưa vào hoạt động. Tiềm lực khoa học và công nghệ tiếp tục được nâng lên với 66 tổ chức khoa học và công nghệ đang hoạt động. Công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ được tăng cường.

Chuyển đổi số được tập trung chỉ đạo triển khai, bước đầu đạt nhiều kết quả quan trọng. Hệ thống thông tin dùng chung của các cơ quan nhà nước được đầu tư đồng bộ; nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh chính thức được đưa vào vận hành, kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia. Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành từng bước được xây dựng, kết nối, liên thông, phục vụ chia sẻ, khai thác hiệu quả dữ liệu dùng chung. Tỷ lệ xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng ngày càng tăng. Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP tăng trưởng đều hàng năm, đến năm 2024 chiếm khoảng 9,05%.

4. Giáo dục và đào tạo đạt kết quả khá toàn diện, chất lượng giáo dục có bước tiến bộ vượt bậc

Đã tập trung triển khai, cụ thể hóa các chủ trương, chính sách đổi mới, phát triển bền vững giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tiên phong xây dựng, triển khai có kết quả một số mô hình trường học, hoạt động giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện, phát triển phẩm chất, năng lực người học. Hạ tầng giáo dục, cơ sở vật chất phục vụ dạy và học được tập trung đầu tư; số trường học đạt chuẩn quốc gia vượt mục tiêu đề ra; phổ cập giáo dục, xây dựng xã hội học tập đạt kết quả tích cực. Kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2025 vươn lên xếp thứ nhất cả nước. Tiếp tục giữ vững vị trí trong top đầu toàn quốc về học sinh đạt giải cao tại các kỳ thi quốc gia, quốc tế.

Các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã cơ cấu lại hệ thống tổ chức, mở thêm mã ngành đào tạo đại học và sau đại học, đổi mới, điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận mô hình giáo dục hiện đại (CDIO); tập trung nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, chú trọng chất lượng đầu ra. Hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ, giáo dục khởi nghiệp đạt nhiều kết quả tích cực. Hệ thống giáo dục nghề nghiệp được quy hoạch, sắp xếp, đổi mới phù hợp với yêu cầu thực tiễn và nâng cao hiệu quả hoạt động. Chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy được đổi mới, nhất là đào tạo thực hành, kỹ năng mềm, ngoại ngữ. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã tích cực mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp trong công tác tuyển sinh, đào tạo, thực tập, thực hành. Công tác thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao được quan tâm triển khai thực hiện, đạt một số kết quả quan trọng bước đầu.

5. Văn hóa, thể thao phát triển đúng định hướng, đạt nhiều kết quả quan trọng

Hệ thống thiết chế văn hóa tiếp tục được đầu tư xây dựng, nâng cấp và phát huy hiệu quả. Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể đạt nhiều kết quả quan trọng. Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh và dân ca, dân vũ, dân nhạc các dân tộc trong tỉnh tiếp tục được bảo tồn, lưu giữ, sáng tạo làm mới, phát triển, lan tỏa sâu rộng trong đời sống. Hoạt động sáng tác, triển lãm, quảng bá tác phẩm, biểu diễn nghệ thuật diễn ra sôi nổi, nâng cao chất lượng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu văn hóa tinh thần của nhân dân. Hoạt động văn hoá cơ sở và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa có bước phát triển mới về chất. Công tác truyền thông chính sách, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại và xuất bản, phát hành đạt kết quả tích cực. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng tiếp tục phát triển rộng khắp, trở thành nhu cầu tự giác và sự tham gia của đông đảo Nhân dân. Thể thao thành tích cao có nhiều đổi mới cách làm, tiến bộ về trình độ và kết quả thi đấu; bộ môn bóng đá tiếp tục khẳng định vị thế là một trong các trung tâm đào tạo trẻ tốt nhất trong nước.

6. Y tế phát triển nhanh, công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân chuyển biến tích cực, có nhiều tiến bộ mới, từng bước khẳng định là trung tâm y tế của vùng Bắc Trung Bộ

Hệ thống y tế tiếp tục được đầu tư, phát triển đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở; cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực và chất lượng chuyên môn có bước tiến bộ rõ rệt. Năng lực y tế dự phòng được nâng cao; công tác giám sát, dự báo, kiểm soát dịch bệnh ngày càng chủ động, hiệu quả, ứng phó kịp thời với các dịch bệnh nguy hiểm. Chất lượng khám, chữa bệnh chuyển biến tích cực ở tất cả các tuyến. Nhiều trung tâm khám chữa bệnh chuyên sâu

được thành lập; triển khai được nhiều kỹ thuật cao, công nghệ hiện đại như ghép tạng, mổ tim hở, điều trị ung thư, hỗ trợ sinh sản. Y tế ngoài công lập tiếp tục phát triển mạnh. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt mức bình quân chung toàn quốc. Công tác dân số, bảo trợ xã hội, trẻ em, chăm sóc sức khỏe bà mẹ đạt nhiều kết quả quan trọng.

7. Công tác giải quyết việc làm, thực hiện chính sách người có công, trợ giúp xã hội, an sinh xã hội, giảm nghèo được chú trọng, triển khai đồng bộ, hiệu quả với sự tham gia tích cực của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và cộng đồng, đạt nhiều kết quả nổi bật

Thực hiện hiệu quả Đề án giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh. Bình quân, hằng năm giải quyết việc làm mới cho trên 45.000 người, vượt 8,46% mục tiêu Nghị quyết. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển dịch tích cực, tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm từ 47,03% xuống còn 34,65%; tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ tăng từ 25,3% lên 31%. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách đối với người có công. Hoạt động đền ơn, đáp nghĩa, huy động nguồn lực xã hội chăm lo đời sống người có công được đẩy mạnh. Số người hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên được mở rộng; người yếu thế, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được quan tâm giúp đỡ. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng dịch bệnh, thiên tai. Công tác giảm nghèo đạt kết quả tích cực, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều dự kiến đến cuối năm 2025 giảm còn 3,12%. Nghệ An là một trong những địa phương đi đầu và cơ bản hoàn thành mục tiêu xóa nhà tạm, nhà dột nát cho người nghèo trên địa bàn toàn tỉnh trong năm 2025.

8. Công tác dân tộc và tôn giáo tiếp tục được chú trọng, kinh tế - xã hội, an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào có đạo chuyển biến tích cực.

Các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào có đạo được quan tâm triển khai thực hiện đồng bộ và nâng cao hiệu quả thực hiện. Đời sống kinh tế - xã hội vùng nông thôn miền núi và vùng đồng bào có đạo có nhiều thay đổi tích cực; các giá trị văn hoá được bảo tồn và phát huy; an ninh trật tự được quan tâm thường xuyên và bảo đảm ổn định. Đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã có chuyển biến mạnh về nhận thức, ý chí tự lực vươn lên thoát nghèo. Mối quan hệ giữa giáo hội và hệ thống chính trị địa phương có sự gắn bó, phối hợp tốt hơn.

III- Quốc phòng được củng cố, tăng cường, an ninh, trật tự an toàn xã hội bảo đảm vững chắc; công tác đối ngoại đạt nhiều kết quả tích cực

Triển khai có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, đề án, kế hoạch nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh. Nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân và khu vực phòng thủ được củng cố ngày càng vững chắc. Tổ chức các cuộc diễn tập, thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự bảo đảm an toàn, hiệu quả. Các lực lượng vũ trang của tỉnh được chăm lo xây dựng theo yêu cầu cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; sức mạnh tổng hợp ngày càng được nâng cao. Công tác quản lý, bảo vệ biên giới, vùng biển, đảo được triển khai toàn diện, hiệu quả.

An ninh được bảo đảm vững chắc, thực hiện tốt công tác nắm, dự báo và đấu tranh, ngăn ngừa hiệu quả các hoạt động chống phá, không để hình thành "điểm nóng" và các vụ việc phức tạp. Trật tự, an toàn xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, triển khai hiệu quả đề án xây dựng địa bàn "sạch về ma túy", giảm các loại tội phạm và tệ nạn xã hội. Nhiều mô hình phòng cháy, chữa cháy đã được triển khai và nhân rộng góp phần giảm số vụ cháy, nổ; tai nạn giao thông giảm mạnh trên cả 3 tiêu chí.

Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện nghiêm túc, có nhiều đổi mới theo hướng chuyển từ chỉ đạo từng vụ việc cụ thể sang có hệ thống theo từng địa bàn, lĩnh vực, giải quyết ngay tại cơ sở, hạn chế tối đa đơn thư vượt cấp.

Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, ngoại giao kinh tế, liên kết vùng được triển khai chủ động, thực chất, nâng cao hiệu quả. Hoạt động đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Nhân dân được triển khai đồng bộ, linh hoạt, hiệu quả. Đặc biệt quan tâm củng cố mối quan hệ với các địa phương của Lào, tổ chức nhiều hoạt động phối hợp, hỗ trợ ba tỉnh có chung đường biên giới. Tích cực, chủ động mở rộng quan hệ hợp tác với đối tác mới từ các nước, vùng lãnh thổ khu vực Đông Bắc Á, Đông Nam Á, một số nước châu Âu, châu Mỹ. Tổ chức nhiều hoạt động đối ngoại thúc đẩy thu hút đầu tư, hợp tác thương mại, du lịch, lao động, giáo dục, y tế, nông nghiệp. Hoạt động ngoại giao văn hóa và thông tin đối ngoại được đẩy mạnh. Hoạt động hợp tác liên kết phát triển vùng được chú trọng, triển khai nhiều nội dung cụ thể, thiết thực.

B- HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Việc quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện một số chủ trương, nghị quyết của Đảng chưa kịp thời, đồng bộ. Công tác nắm, dự báo tình hình tư tưởng, dư luận xã hội và định hướng thông tin, đấu tranh phản bác với các âm mưu, thủ đoạn chống phá có lúc, có việc chưa thật chủ động.

Công tác giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên có mặt hạn chế, còn một số trường hợp cấp ủy viên, cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Cơ cấu cán bộ nhất là cơ cấu cán bộ trẻ, nữ, dân tộc thiểu số và cơ cấu ngành trong cấp ủy, chính quyền có nơi chưa bảo đảm yêu cầu. Việc phát triển đảng viên, xây dựng tổ chức đảng và các tổ chức chính trị - xã hội ở vùng đặc thù còn nhiều khó khăn.

Công tác kiểm tra, giám sát có mặt, có nội dung hiệu quả chưa cao; hoạt động giám sát thường xuyên chưa toàn diện, sâu sát. Việc thực hiện kết luận kiểm tra, giám sát có nơi thực hiện chưa triệt để, chậm tiến độ.

Cải cách hành chính tuy có chuyển biến tích cực nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu; các chỉ số phản ánh về cải cách hành chính, môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh thiếu bền vững. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, trong quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công còn chậm, có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu.

Nội dung, phương thức vận động, tập hợp xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc tuy có nhiều đổi mới nhưng chưa chuyển biến đồng bộ. Hoạt động giám sát, phản biện xã hội, nhất là ở cơ sở chưa thực hiện được nhiều, hiệu quả chưa cao.

2. Về phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh

Kinh tế tăng trưởng khá nhưng chưa đạt mục tiêu đề ra; GRDP bình quân đầu người còn thấp so với vùng và cả nước. Năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao; tỷ trọng sản phẩm công nghiệp, dịch vụ có giá trị gia tăng cao còn thấp; nông nghiệp công nghệ cao chậm được nhân rộng; kinh tế biển, du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế.

Công tác quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, mức độ phủ kín quy hoạch còn chậm, chất lượng một số quy hoạch chưa cao, tầm nhìn trong quy hoạch còn hạn chế.

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa hoàn chỉnh, thiếu đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng và dịch vụ logistics, hạ tầng số. Một số dự án hạ tầng chiến lược (cảng biển nước sâu, cảng hàng không) và công trình thiết yếu triển khai chưa đạt mục tiêu đề ra.

Một số dự án đầu tư kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ có thiếu sót, vướng mắc, vi phạm, chậm tiến độ hoặc không triển khai, gây lãng phí tài nguyên và

ảnh hưởng đến sự phát triển chung, nhưng chưa xử lý được triệt để. Việc sắp xếp, thu hồi, chuyển đổi đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường, tổng đội thanh niên xung phong còn một số tồn đọng, vướng mắc.

Doanh nghiệp của tỉnh đa số quy mô nhỏ, trình độ quản trị và ứng dụng công nghệ hạn chế, khả năng cạnh tranh, hội nhập còn yếu; thiếu sự liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp nội tỉnh với các doanh nghiệp ngoại tỉnh và các doanh nghiệp FDI.

Khoa học, công nghệ chưa thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế và các lĩnh vực của tỉnh. Ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp còn yếu. Thị trường khoa học công nghệ chậm phát triển.

Công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường có mặt chưa hiệu quả. Vẫn còn tình trạng vi phạm pháp luật trong hoạt động khoáng sản, quản lý đất đai. Ô nhiễm môi trường có nơi chưa được kiểm soát hiệu quả; việc thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt vẫn còn nhiều bất cập.

Yếu tố văn hóa tinh thần, tiềm năng con người Nghệ An chưa được phát huy đầy đủ để thực sự trở thành lợi thế, sức mạnh nội sinh cho sự phát triển. Cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa, thể thao nhiều nơi còn thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu. Quản lý một số hoạt động văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo còn bất cập.

Quy hoạch trường lớp và các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, nhất là khu vực nông thôn, miền núi chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới, phát triển giáo dục. Hoạt động đào tạo đại học, đào tạo nghề tuy có đổi mới nhưng vẫn chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Nguồn nhân lực, nhất là nhân lực có trình độ cao và nhân lực có trình độ, kỹ năng nghề chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động.

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân còn hạn chế, chất lượng khám, chữa bệnh của một số cơ sở y tế chưa đáp ứng được yêu cầu. Các bệnh viện tuyến tỉnh thường xuyên trong tình trạng quá tải. Quản lý hành nghề y dược tư nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm còn sơ hở, bất cập.

Kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững; tỷ lệ hộ nghèo còn cao hơn bình quân chung cả nước; đời sống của một bộ phận Nhân dân còn khó khăn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa khu vực miền núi cao.

Tình hình an ninh trật tự, nhất là tội phạm sử dụng công nghệ cao, lừa đảo qua mạng để chiếm đoạt tài sản còn phức tạp.

3. Nguyên nhân hạn chế, yếu kém: Những hạn chế, yếu kém nêu trên, ngoài nguyên nhân khách quan do đặc điểm, điều kiện đặc thù của tỉnh và tác

động bất lợi của tình hình chính trị, kinh tế thế giới, dịch bệnh, thiên tai, bão lũ, chủ yếu do những nguyên nhân chủ quan sau: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành trong một số lĩnh vực chưa quyết liệt, thiếu chủ động, sáng tạo. Việc phối hợp xử lý công việc của các ban, sở, ngành, địa phương có lúc, có nơi chưa đồng bộ, chậm trễ, nhất là trong giải quyết, tháo gỡ khó khăn đặt ra từ thực tiễn. Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc và xử lý trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân có lúc chưa kịp thời. Trách nhiệm, tâm huyết, tính năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp trong thực thi nhiệm vụ của một bộ phận đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức chưa cao. Ý chí, khát vọng khởi nghiệp, hội nhập, phát triển chưa được khơi dậy mạnh mẽ.

C- ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

I- Đánh giá tổng quát

Nhiệm kỳ 2020 - 2025, trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức, được sự quan tâm của Trung ương, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Nghệ An đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu đạt được nhiều kết quả quan trọng, khá toàn diện với nhiều điểm sáng nổi bật. Phần lớn các chỉ tiêu chủ yếu đạt và vượt mục tiêu đề ra. Kinh tế tăng trưởng khá; thu hút đầu tư đạt kết quả vượt bậc; kết cấu hạ tầng được đầu tư từng bước đồng bộ theo hướng hiện đại; các vùng kinh tế trọng điểm có bước phát triển rõ nét. Quản lý đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường được chú trọng. Diện mạo đô thị, nông thôn đổi mới theo hướng văn minh, hiện đại. Văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ; an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được cải thiện và nâng lên. Quốc phòng, an ninh được giữ vững; đối ngoại, liên kết phát triển được mở rộng. Hệ thống chính trị được củng cố, năng lực lãnh đạo, hiệu lực quản lý và chất lượng điều hành được nâng lên; cải cách hành chính có chuyển biến tích cực.

Tuy vậy, việc thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực còn những khó khăn, hạn chế: Kinh tế chưa tạo được sự phát triển đột phá, chất lượng tăng trưởng chưa cao. Các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế biển, du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Một số công trình trọng điểm triển khai còn chậm. Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; tỷ lệ hộ nghèo còn cao hơn mức bình quân chung của cả nước, nhất là khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa. Bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên còn những hạn chế, bất cập. Trật tự, an toàn xã hội vẫn còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp. Hoạt động của hệ thống chính trị, nhất là ở cấp xã, phường có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong bối cảnh, tình hình mới.

II- Bài học kinh nghiệm

1. Luôn đặc biệt chú trọng phát huy dân chủ, đoàn kết, thống nhất cao trong cấp ủy và hệ thống chính trị cùng hướng đến mục tiêu phát triển chung của tỉnh. Giữ vững nguyên tắc trong lãnh đạo, chỉ đạo, linh hoạt, sáng tạo về phương pháp, cách thức, xử lý kịp thời, hiệu quả các vấn đề thực tiễn đặt ra.

2. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Việc bố trí, sử dụng cán bộ cần bảo đảm nguyên tắc, công tâm, khách quan, đặt lợi ích chung lên trên hết. Nêu cao trách nhiệm, vai trò làm gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, gắn với kiểm tra, giám sát hiệu quả.

3. Luôn quán triệt và thực hiện triệt để quan điểm "Dân là gốc"; trong chủ trương, cơ chế, chính sách, triển khai các chương trình, đề án, dự án phát triển phải bảo đảm lợi ích chính đáng và sự đồng thuận ủng hộ của Nhân dân. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

4. Thường xuyên bám sát chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, tranh thủ sự hỗ trợ các ban, bộ, ngành; chủ động đề xuất, kiên trì kiến nghị những vấn đề về cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển tỉnh. Triển khai nhiệm vụ toàn diện trên các lĩnh vực, đồng thời lựa chọn các trọng tâm, trọng điểm, khâu đột phá để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện.

5. Chăm lo xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân gắn với xây dựng thể trận lòng dân vững chắc; chủ động xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh, nhất là các vướng mắc ngay tại cơ sở, tạo sự ổn định để phát triển kinh tế - xã hội.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NHIỆM KỲ 2025 - 2030

A- DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Thời cơ và thuận lợi: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục phát triển mạnh mẽ, công nghiệp công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo phát triển chưa từng có, tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực, mở ra nhiều cơ hội đối với quá trình phát triển của đất nước và các địa phương. Qua 40 năm đổi mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước đã nâng lên một tầm cao mới. Đặc biệt, những quyết sách chiến lược, quyết tâm đổi mới mang tính cách mạng của Đảng tạo nền tảng, mở ra không gian, điều kiện, động lực để đất nước và địa phương phát triển thuận lợi hơn trong những năm tới. Hiện nay, Nghệ An được sự quan tâm đặc biệt của Trung ương và có các điều kiện nền tảng, hội tụ được các yếu tố quan trọng (hạ tầng, tiềm lực kinh tế - xã hội, cơ chế, chính sách, văn hóa, tinh thần, kinh nghiệm) để đẩy mạnh đổi mới toàn diện, phát triển đột phá nhanh và bền vững hơn.

Khó khăn và thách thức: Tình hình quốc tế diễn biến phức tạp, cạnh tranh chiến lược, xung đột, chiến tranh thương mại tác động tiêu cực đến kinh tế toàn cầu, nhất là hoạt động đầu tư và thương mại. Biến đổi khí hậu, thiên tai khốc liệt, cực đoan, khó lường với tần suất và cường độ ngày càng gia tăng. Sau sáp nhập các tỉnh, một số lợi thế của Nghệ An như đất đai, nhân lực không còn là thế mạnh vượt trội trong cạnh tranh, thu hút đầu tư. Hạ tầng giao thông, logistics, hạ tầng số và chất lượng nhân lực chưa theo kịp yêu cầu phát triển; năng suất lao động khó bứt phá. Quá trình dịch chuyển lao động và dân cư sẽ diễn ra mạnh hơn, nảy sinh các vấn đề xã hội phải giải quyết. Nhiều vấn đề mới đặt ra về phương thức lãnh đạo, quản lý, quản trị, đòi hỏi phải thích ứng nhanh chóng, hiệu quả để đáp ứng được yêu cầu phát triển.

B. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

I- Quan điểm phát triển

1. Đổi mới tư duy phát triển, hướng tới một mô hình tăng trưởng hiện đại hơn; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chủ yếu; lấy đổi mới thể chế và quản trị làm đòn bẩy; lấy văn hóa và con người Nghệ An làm nền tảng, tạo xung lực mới, đột phá phát triển tương xứng với tiềm năng, vị trí, vai trò của tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ và cả nước, xứng đáng là quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh; tự lực, tự cường, tự tin cùng cả nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

2. Chuyển mạnh từ phát triển chiều rộng sang chiều sâu; tăng trưởng chủ yếu dựa vào khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả, tạo giá trị gia tăng cao; phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế biển, kinh tế tuần hoàn, công nghiệp công nghệ cao và dịch vụ chất lượng cao. Tập trung tạo đột phá phát triển nhanh vùng phía Đông, phát triển bền vững vùng phía Tây của tỉnh.

3. Gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, chăm lo phát triển văn hoá - xã hội, con người, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Đẩy mạnh hợp tác phát triển liên kết vùng, đối ngoại và hội nhập quốc tế. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn để phát triển.

4. Ưu tiên nguồn lực và tạo mọi điều kiện để thực hiện nhanh việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương bảo đảm đồng bộ, ổn định, rõ ràng, minh bạch, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội; trong đó, đặc biệt quan tâm cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế.

5. Các cấp ủy, tổ chức đảng giữ vai trò trung tâm trong mọi quyết sách. Chính quyền các cấp chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển, phục vụ nhân dân và đồng hành cùng doanh nghiệp. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết, truyền thống cách mạng, ý chí tự lực, tự cường, sự năng động, sáng tạo của cán bộ, đảng viên, Nhân dân, đội ngũ doanh nhân, để phát triển nhanh, bền vững, toàn diện, văn minh, hiện đại.

II- Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đến năm 2030, Nghệ An trở thành tỉnh khá của cả nước, cực tăng trưởng tầm quốc gia; là trung tâm của khu vực Bắc Trung Bộ về công nghiệp và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, thương mại, logistics, du lịch; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe Nhân dân không ngừng được nâng cao; giá trị hệ sinh thái rừng, biển, đảo, văn hóa, lịch sử và truyền thống, nhất là văn hóa xứ Nghệ được bảo tồn và phát huy; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biên giới, biển, đảo được giữ vững. Tầm nhìn đến năm 2045, Nghệ An trở thành tỉnh có thu nhập cao, phát triển toàn diện, văn minh, hiện đại.

III- Các chỉ tiêu chủ yếu

Phấn đấu thực hiện tốt các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo định hướng tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 và các nghị quyết chuyên đề của Trung ương, Bộ Chính trị, các chương trình mục tiêu quốc gia, đề án của Chính phủ và quy hoạch tỉnh. Tập trung thực hiện 39 chỉ tiêu và nhóm chỉ tiêu chủ yếu của nhiệm kỳ 2025 - 2030 gồm: 05 nhóm chỉ tiêu về xây dựng đảng và hệ thống chính trị; 10 nhóm chỉ tiêu về kinh tế, khoa học, công nghệ; 17 chỉ tiêu về văn hóa - xã hội; 05 chỉ tiêu về môi trường; 02 chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh (*bảng phụ lục kèm theo*), trong đó:

Số tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy và cán bộ diện Tỉnh ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy quản lý hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt tỷ lệ từ 90 - 95%. Kết nạp đảng viên mới hằng năm đạt 3 - 4% so với tổng số đảng viên của Đảng bộ tỉnh. Tinh gọn đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị và tinh giản biên chế bảo đảm chỉ tiêu Trung ương giao. Cơ bản hình thành và vận hành hiệu quả chính quyền số hiện đại trước năm 2030.

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 12% trở lên; GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 165 triệu - 190 triệu đồng. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026 - 2030 đạt khoảng 1.150 nghìn tỷ đồng. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 12% trở lên.

Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt khoảng 0,78. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 0,5 - 1,5%/năm. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số. Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự hằng năm đạt trên 80%.

C- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

I- Nhiệm vụ trọng tâm

Đổi mới mạnh mẽ, quyết liệt công tác lãnh đạo, chỉ đạo; tập trung hoàn thiện thể chế, cơ chế vận hành bộ máy các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển giai đoạn mới.

1. Kịp thời cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nghị quyết, chủ trương, quan điểm, định hướng của Đảng, nhất là các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược. Xây dựng, ban hành các chương trình, đề án, kế hoạch thực hiện nghị quyết đại hội Đảng các cấp ngay từ đầu nhiệm kỳ, bảo đảm rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ nguồn lực, rõ kết quả.

2. Tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định, quy trình công tác của cấp ủy, chính quyền và các tổ chức, cơ quan trong hệ thống

chính trị của địa phương; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan của Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội. Thực hiện quyết liệt, kịp thời việc phân cấp, phân quyền, ủy quyền giữa các cấp bảo đảm khoa học, hợp lý, phù hợp với thực tế; tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn của cấp trên đối với cấp dưới trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Bám sát định hướng Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương về quản lý kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; trong đó tập trung trước hết vào các cơ chế, chính sách kiến tạo, hỗ trợ, thúc đẩy phát triển và tháo gỡ các nút thắt, rào cản gây khó khăn cho sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An đã được Quốc hội ban hành.

4. Triển khai kịp thời việc nghiên cứu, điều chỉnh quy hoạch tỉnh phù hợp định hướng, chiến lược, không gian phát triển mới. Đồng thời lập, bổ sung quy hoạch phát triển đô thị, vùng liên xã, cụm xã, quy hoạch xây dựng, khu chức năng theo định hướng quy hoạch tỉnh, bảo đảm tính kế thừa, đồng bộ, thống nhất, gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác lập, quản lý và thực hiện quy hoạch. Ưu tiên bố trí nguồn vốn từ ngân sách để sớm hoàn thành các quy hoạch.

5. Thường xuyên rà soát, bổ sung giải pháp, kiểm tra, đôn đốc thực hiện quyết liệt, đúng tiến độ, hiệu quả các đề án, kế hoạch chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội; đưa hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị lên môi trường số, bảo đảm liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước; thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, đẩy mạnh cải cách hành chính, trong đó tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp.

II- Đột phá phát triển

1. Đột phá về thể chế: Tập trung xây dựng, ban hành đồng bộ các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh theo hai nhóm trọng tâm: (1) Kiến tạo phát triển, thu hút và khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực then chốt; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học - công nghệ, hệ sinh thái khởi nghiệp, doanh nghiệp tư nhân và các động lực tăng trưởng mới; (2) Tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng và khơi thông nguồn lực phát triển; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền gắn với làm rõ trách nhiệm, phát huy tính chủ động, linh hoạt, sáng tạo của các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị.

2. *Đột phá về phát triển nguồn nhân lực:* Tập trung phát triển toàn diện nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao. Triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học theo hướng hiện đại, hội nhập; phấn đấu có ngành đào tạo đạt chuẩn khu vực, quốc tế, gắn với nhu cầu doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp công nghệ cao. Thúc đẩy mô hình đào tạo linh hoạt, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và doanh nhân; phát triển văn hóa học tập suốt đời. Đẩy mạnh thu hút, trọng dụng nhân tài, thu hút lao động kỹ thuật cao. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

3. *Đột phá về phát triển kết cấu hạ tầng:* Tập trung phát triển hạ tầng giao thông chiến lược, có tính kết nối, tác động lan tỏa, tạo động lực đối với phát triển: Thực hiện đúng tiến độ xây dựng đường bộ cao tốc Vinh - Thanh Thủy, đường sắt tốc độ cao đoạn qua Nghệ An; nâng cấp Cảng hàng không Quốc tế Vinh; nâng cấp, mở rộng quốc lộ 7A, 48A, xây dựng Cảng nước sâu Cửa Lò, phát triển cụm cảng Đông Hội. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, hạ tầng khoa học - công nghệ, logistics, năng lượng, thủy lợi đa mục tiêu và các công trình phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu. Phát triển hạ tầng đô thị hiện đại, hạ tầng xã hội thiết yếu và nhà ở xã hội.

D- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I- *Đổi mới, xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tinh gọn, nâng cao chất lượng, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội*

1. *Xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và đạo đức*

Nâng cao năng lực tự đổi mới, tự hoàn thiện, tăng cường hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền của Đảng bộ. Vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới của Đảng vào quá trình lãnh đạo của Đảng bộ với tinh thần chủ động, sáng tạo và quyết tâm chính trị cao; nhanh chóng phát hiện, nắm bắt những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn và chủ động giải quyết, tháo gỡ, mở đường, thúc đẩy sự phát triển theo định hướng xác định.

Tập trung khắc phục những hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng, bảo đảm các chủ trương của Đảng được kịp thời thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ, tính chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ chủ chốt các cấp.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng, nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục, bảo đảm thể chủ động về định hướng thông tin, dẫn dắt dư luận, tạo sự thống nhất nhận thức và hành động trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội. Chấn chỉnh kịp thời những biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống "tự diễn biến, tự chuyển hóa" trong nội bộ; đấu tranh phản bác quyết liệt, kịp thời, hiệu quả với âm mưu, thủ đoạn, hành vi chống phá về tư tưởng của các thế lực thù địch.

Tiếp tục triển khai thực hiện thường xuyên, sâu rộng, sáng tạo, hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Cụ thể hóa tinh thần học và làm theo Bác trong đạo đức công vụ, hành vi ứng xử, thái độ phục vụ nhân dân, trong lối sống, sinh hoạt của bản thân và gia đình cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Quy định cụ thể vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong việc thực hiện các quy định của Đảng về chuẩn mực đạo đức cách mạng, về kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gắn với thực hiện công tác giám sát thường xuyên. Tuyên truyền, giáo dục, nhân rộng lan tỏa những tấm gương tiêu biểu, người tốt, việc tốt trong toàn Đảng và xã hội.

2. Đổi mới công tác dân vận, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận. Nâng cao hiệu quả việc tiếp xúc, đối thoại và thực hiện kết luận của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp sau tiếp xúc, đối thoại với Nhân dân gắn với thực hiện tốt Quy định của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của Nhân dân.

Thể chế hóa đồng bộ, kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng về công tác dân vận thành các quy chế, quy định, cơ chế chính sách cụ thể sát với tình hình thực tiễn của địa phương. Đổi mới, nâng cao hiệu quả tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động gắn với xây dựng, nhân rộng các mô hình, điển hình "dân vận khéo" trên các lĩnh vực đời sống xã hội. Phát huy vai trò của đội ngũ trí thức, công nhân, nông dân, cựu quân nhân, cựu công an, phụ nữ, thanh niên, người cao tuổi, đồng bào các dân tộc, các tín đồ, chức sắc tôn giáo trong thực hiện các phong trào và nhiệm vụ chính trị của địa phương.

3. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên

Tiếp tục kiện toàn, nâng cao chất lượng tổ chức bộ máy và hoạt động của hệ thống chính trị. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức bên trong của các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị sự nghiệp. Thực hiện phân cấp, phân công rõ ràng, xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn và cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành và trong từng cơ quan, đơn vị; bảo đảm không chồng chéo, không bỏ sót nhiệm vụ, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị.

Rà soát, chấn chỉnh việc thực hiện nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nguyên tắc trong lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp. Xây dựng, hoàn thiện và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc, hệ thống quy định, quy trình công tác của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. Thực hiện đúng thẩm quyền, trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong lãnh đạo, điều hành; khắc phục tình trạng buông lỏng lãnh đạo hoặc lạm quyền, vi phạm Điều lệ, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Đổi mới mạnh mẽ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của chính quyền theo hướng kiến tạo, phục vụ. Chuyển từ mô hình quản lý hành chính sang quản trị địa phương hiện đại, minh bạch, lấy người dân làm trung tâm. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, đi đôi với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực. Cải cách hành chính toàn diện, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm thuận lợi cho Nhân dân và doanh nghiệp. Phân đầu thuộc nhóm 10 tỉnh dẫn đầu về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); nhóm 15 tỉnh dẫn đầu về chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI).

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động và công tác tuyên truyền, vận động, phát huy vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân; nâng cao hiệu quả giám sát, phản biện xã hội và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Tiếp tục thực hiện các đề án, giải pháp xây dựng, củng cố và nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, phát triển đảng viên và tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở; trong đó, tập trung nâng cao hiệu quả thực hiện ở khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước và vùng khó khăn, đặc thù. Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ gắn với công tác giáo dục, rèn luyện và phát huy vai trò của đảng viên. Thí điểm các hình thức sinh hoạt đảng, quản lý đảng viên phù hợp với thực tiễn theo hướng dẫn của Trung ương.

4. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ chủ chốt

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp có bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, trình độ và năng lực thực tiễn, tinh thần trách nhiệm cao, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Xây dựng và triển khai đồng bộ, hiệu quả chương trình tổng thể xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, trách nhiệm, kỷ luật và đạo đức công vụ. Quan tâm phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ khoa học, cán bộ quản lý các lĩnh vực quan trọng, then chốt. Nâng cao chất lượng cán bộ tham mưu ở các ban, sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh; đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ cấp xã, phường đáp ứng tiêu chuẩn chức danh và yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Rà soát, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ các quy chế, quy định về công tác cán bộ, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Cải cách cơ chế tuyển dụng, đánh giá, bố trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ, bảo đảm công khai, minh bạch, thực chất. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, làm cơ sở cho công tác quản lý, đánh giá, quy hoạch và sử dụng cán bộ. Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức thống nhất, đồng bộ.

Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong công tác cán bộ. Thực hiện phân cấp rõ ràng, gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực thực chất, hiệu quả. Chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực trong công tác cán bộ như bè phái, cục bộ, “lợi ích nhóm”, tham nhũng, chạy chức, chạy quyền. Tăng cường công tác quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và việc chấp hành kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước; về trách nhiệm nêu gương, kê khai tài sản, thu nhập, những điều đảng viên không được làm và nghĩa vụ công dân. Thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, nhất là "chính trị hiện nay".

5. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường công tác giám sát thường xuyên và cảnh báo vi phạm

Đổi mới tư duy, phương pháp, cách thức tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát. Chuyển trọng tâm công tác kiểm tra, giám sát sang chủ động phòng ngừa, cảnh báo vi phạm. Thiết lập cơ chế giám sát thường xuyên, toàn diện đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách, chấp hành nguyên tắc của Đảng, pháp luật của nhà nước và việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; không để các vi phạm nhỏ tích tụ thành vi phạm nghiêm trọng. Tăng cường kiểm tra, giám

sát việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, các lĩnh vực, công việc dễ phát sinh vi phạm, tham nhũng, tiêu cực gắn với kiểm soát chặt chẽ quyền lực. Gắn với quá trình chuyển đổi số trong các cơ quan đảng và hệ thống chính trị, từng bước chuyển đổi số công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng; trước mắt phấn đấu thực hiện "giám sát qua dữ liệu, kiểm tra qua dữ liệu" việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và việc kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, đảng viên.

6. Tăng cường công tác nội chính, cải cách tư pháp, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong các cơ quan tư pháp; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, bản lĩnh nghề nghiệp cho thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên, luật sư, công chứng viên, chấp hành viên. Mở rộng và tăng cường quản lý các dịch vụ pháp lý phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Kiên quyết, kiên trì thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thường xuyên rà soát, thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kiểm soát quyền lực, giữ gìn liêm chính trong thực thi công vụ. Nâng cao tính chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng, chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cơ quan, đơn vị; chú trọng thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Hoàn thiện và thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả, nhất là trong xử lý trách nhiệm chính trị, quản lý nhà nước và trách nhiệm pháp lý.

II- Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, tạo đột phá phát triển kinh tế nhanh và bền vững

1. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiện đại, bền vững, nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh

Tập trung đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiện đại, có chiều sâu, bền vững và khả năng thích ứng cao, trong đó: (i) Công nghiệp là động lực đột phá, trọng tâm là công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp hỗ trợ; (ii) Thương mại, dịch vụ hiện đại là mũi nhọn, trọng tâm là dịch vụ logistics, tài chính - ngân hàng, du lịch, giáo dục và đào tạo, y tế chất lượng cao; (iii) Nông nghiệp là nền tảng, trọng tâm là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chuỗi giá trị; (iv) Kinh tế biển, gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

Tập trung thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia. Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, an toàn, minh bạch; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, làm giàu chính đáng; xây dựng đội ngũ doanh nhân Nghề An phát triển toàn diện, có năng lực quản trị hiện đại và khả năng cạnh tranh trong nước và quốc tế. Hỗ trợ phát triển một số doanh nghiệp tư nhân lớn đóng vai trò dẫn dắt và lan tỏa trong hệ sinh thái doanh nghiệp địa phương.

Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư theo hướng chọn lọc, bền vững; ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ cao, đóng góp lớn cho ngân sách, có cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Tăng cường liên kết giữa khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với doanh nghiệp trong tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ, chuyển giao công nghệ và đào tạo nhân lực.

Cơ cấu lại, đổi mới phương thức hoạt động và nâng cao năng lực tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ, giáo dục, y tế, văn hóa và môi trường. Đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ công. Đổi mới, nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hoạt động hiệu quả; tăng cường năng lực quản trị và đổi mới phương thức sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển bền vững, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Cơ cấu lại thu ngân sách theo hướng bền vững, tăng thu từ khu vực sản xuất - kinh doanh, giảm dần tỷ trọng thu từ tài nguyên, đất đai; từng bước bảo đảm cân đối thu - chi ngân sách địa phương. Siết chặt kỷ luật tài chính - ngân sách; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý đầu tư công theo hướng tập trung, trọng điểm; ưu tiên đầu tư các công trình, dự án có sức lan tỏa, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2. Phát triển đồng bộ và bền vững các trụ cột kinh tế: công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ và kinh tế biển; thúc đẩy chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh

2.1. Phát triển công nghiệp, xây dựng theo hướng hiện đại, xanh, bền vững và có giá trị gia tăng cao

Tập trung cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển nhanh và bền vững; ứng dụng công nghệ cao, công nghệ xanh, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp sử dụng công nghệ mới, có khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, tạo giá trị gia tăng lớn và lan tỏa đến các ngành kinh tế khác.

Phát triển các ngành có lợi thế, nhất là chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với vùng nguyên liệu và nông nghiệp công nghệ cao; chế biến dược liệu; khai thác và chế biến sâu khoáng sản.

Phát triển có trọng tâm, trọng điểm một số ngành công nghiệp nền tảng, gồm: Công nghiệp năng lượng, trọng tâm là năng lượng tái tạo; cơ khí chế tạo máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng; sản xuất và lắp ráp ô tô, máy nông nghiệp, thiết bị xây dựng; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng mới

Phát triển hợp lý các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động tại khu vực trung du, miền núi, như dệt may, da giày, gắn với đổi mới công nghệ, tập trung vào các khâu tạo giá trị gia tăng cao.

Có cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp môi trường, công nghiệp hỗ trợ, đẩy mạnh hoạt động khuyến công, hỗ trợ phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề nông thôn, nhất là các ngành nghề có thương hiệu, thị trường ổn định và giá trị văn hóa truyền thống.

Sắp xếp hợp lý không gian phát triển công nghiệp, gắn với hành lang kinh tế và vùng sản xuất công nghiệp. Tập trung phát triển Khu kinh tế Đông Nam mở rộng và các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các khu, cụm công nghiệp ngoài khu kinh tế; thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, gắn kết thuận lợi với hệ thống giao thông. Phát triển hạ tầng xã hội tại các khu công nghiệp tập trung đông lao động (nhà ở công nhân, chợ, siêu thị, nhà trẻ, trường học, cơ sở y tế, khu vui chơi).

Nâng cao năng lực ngành xây dựng đáp ứng yêu cầu thiết kế, thi công, quản lý các công trình có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, kỹ thuật phức tạp. Khuyến khích phát triển sản xuất các loại vật liệu xây dựng mới, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường và phù hợp tiêu chuẩn xanh.

2.2. Phát triển nông nghiệp xanh, thông minh, sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao giá trị và liên kết trong chuỗi sản phẩm

Phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, sinh thái, tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu. Trọng tâm là nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng; tăng cường liên kết chuỗi, ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ giới hóa, chuyển đổi số trong toàn bộ quy trình sản xuất.

Điều chỉnh không gian sản xuất, phân vùng hợp lý giữa trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản phù hợp lợi thế từng vùng và nhu cầu thị trường. Tái cơ cấu ngành theo hướng kinh tế tuần hoàn, đa giá trị; mở rộng vùng hàng hóa tập trung, áp dụng quy trình sản xuất an toàn, đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và quốc tế.

Tổ chức lại sản xuất dựa trên hợp tác và liên kết chuỗi giá trị, lấy hợp tác xã làm nòng cốt, phát triển doanh nghiệp nông nghiệp, kinh tế trang trại. Hình thành vùng chuyên canh quy mô lớn gắn với sản phẩm chủ lực như lúa gạo, cây nguyên liệu chế biến, rau quả, chăn nuôi trâu bò, gia cầm; bảo tồn và phát triển vật nuôi bản địa, đặc sản giá trị cao. Liên kết sản xuất với chế biến sâu, xây dựng thương hiệu, phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Ban hành cơ chế, chính sách đủ mạnh để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, hỗ trợ hợp tác xã, phát triển công nghiệp chế biến. Phát triển nông nghiệp hữu cơ, xanh, sạch, tuần hoàn với quy trình nghiêm ngặt, tạo sản phẩm đạt chuẩn quốc gia và quốc tế.

Phát triển lâm nghiệp bền vững, bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng, tự nhiên; mở rộng rừng trồng gỗ lớn gắn với chứng chỉ quản lý bền vững, hình thành vùng nguyên liệu ổn định cho chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ. Phát triển dịch vụ môi trường rừng, gắn với thị trường tín chỉ các-bon, tạo thêm sinh kế cho đồng bào miền núi. Triển khai hiệu quả Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao Bắc Trung Bộ; mở rộng sản xuất cây dược liệu, lâm sản ngoài gỗ.

Phát triển thủy sản hiệu quả, bền vững; mở rộng nuôi thâm canh các loài giá trị cao như tôm, cá, nhuyễn thể. Hiện đại hóa đội tàu khai thác xa bờ, gắn khai thác với bảo vệ nguồn lợi và tuân thủ nghiêm quy định chống khai thác hải sản bất hợp pháp không báo cáo, không theo quy định (IUU).

2.3. Đẩy mạnh phát triển khu vực dịch vụ theo hướng hiện đại, chất lượng cao, bền vững; thúc đẩy chuyển đổi số, nâng cao năng lực cạnh tranh, hình thành các ngành dịch vụ mũi nhọn

Tập trung phát triển khu vực dịch vụ theo hướng hiện đại, bền vững, đa dạng loại hình và chất lượng cao. Mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của các ngành dịch vụ, ưu tiên phát triển các ngành có lợi thế. Đẩy mạnh xã hội hóa trong phát triển dịch vụ văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao và việc làm.

Phát triển mạnh thương mại điện tử, gắn với hạ tầng số và hệ thống thanh toán thông minh. Chú trọng xây dựng, quảng bá thương hiệu hàng hóa Nghệ An, phát triển các mặt hàng xuất khẩu chủ lực, nâng tỷ trọng sản phẩm chế biến, giá trị gia tăng cao.

Phát triển dịch vụ logistics theo hướng hiện đại, trở thành ngành chủ lực; hình thành trung tâm logistics vùng tại Khu kinh tế Đông Nam, kết nối cảng biển, cửa khẩu, khu công nghiệp và các đô thị lớn. Xây dựng, nâng cấp hệ thống kho bãi, dịch vụ hậu cần, bảo quản hàng hóa hiện đại, ưu tiên các khu vực gắn với đô thị và khu công nghiệp trọng điểm.

Phát triển dịch vụ tài chính - ngân hàng theo mô hình số; đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ tài chính (fintech), thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, phấn đấu đến năm 2030 trên 95% giao dịch qua phương thức điện tử. Phát triển dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, bưu chính trên nền tảng chuyển đổi số, hình thành hạ tầng dữ liệu và nền tảng số đồng bộ, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, phục vụ hiệu quả người dân và doanh nghiệp.

Phát triển du lịch bền vững, chuyên nghiệp, chất lượng cao, phấn đấu đến năm 2030 cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đưa Nghệ An thành một trong những trung tâm du lịch của vùng Bắc Trung Bộ và điểm đến hấp dẫn của cả nước và khu vực Đông Nam Á. Tập trung xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù: nghỉ dưỡng biển đảo, văn hóa - lịch sử, trải nghiệm không gian sông Lam và dân ca Ví, Giặm, du lịch sinh thái, cộng đồng, thể thao mạo hiểm miền núi. Gắn phát triển du lịch với bảo tồn di sản, bảo vệ môi trường. Thu hút đầu tư các khu du lịch quy mô lớn, hiện đại, đẳng cấp; mở rộng thị trường khách nội địa, tạo đột phá trong thu hút khách quốc tế.

2.4. Phát triển kinh tế biển bền vững, toàn diện, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Phát triển kinh tế biển theo hướng hiện đại, bền vững trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn hệ sinh thái biển và đa dạng sinh học; gắn với gìn giữ giá trị truyền thống, phát huy bản sắc văn hóa biển, xây dựng cộng đồng ven biển phát triển hài hòa, gắn kết, thân thiện với biển; bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo.

Tăng cường liên kết giữa các ngành, lĩnh vực kinh tế biển; khai thác hiệu quả tiềm năng và lợi thế vùng ven biển; phấn đấu đưa Nghệ An trở thành địa phương mạnh về kinh tế biển của khu vực Bắc Trung Bộ. Phát triển các ngành kinh tế biển trọng điểm theo hướng hiệu quả, bền vững, có giá trị gia tăng cao, cụ thể: Phát triển mạnh dịch vụ vận tải biển, kho bãi, logistics đa dạng, hiện đại, từng bước trở thành ngành dịch vụ chủ lực vùng ven biển. Phát triển du lịch biển theo hướng chuyên nghiệp, thân thiện với môi trường, gắn với các giá trị văn hóa và cảnh quan tự nhiên. Phát triển nghề cá xa bờ và nuôi trồng thủy sản ven biển, tập trung vào các sản phẩm có giá trị kinh tế cao phục vụ chế biến sâu và xuất khẩu. Phát triển năng lượng tái tạo vùng ven biển, nhất là điện gió, điện mặt trời phù hợp điều kiện thực tế và quy hoạch sử dụng không gian biển của tỉnh. Nghiên cứu và phát triển một số ngành kinh tế biển mới như: khai thác và chế biến dược liệu biển, nuôi trồng và chế biến rong, tảo, cỏ biển.

Hoàn thành đầu tư Cảng biển nước sâu Cửa Lò, các cảng biển tổng hợp; tập trung phát triển khu bến Đông Hồi kết nối với khu bến Nam Nghi Sơn, hình thành cụm cảng liên vùng Nghi Sơn - Đông Hồi, tạo động lực thu hút đầu tư và mở rộng liên kết kinh tế vùng.

Phát triển các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, dịch vụ logistics, đô thị và du lịch biển theo hướng tiếp cận sinh thái, hiện đại, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật - xã hội, có sức hấp dẫn cao đối với các nhà đầu tư chiến lược trong nước và quốc tế.

III- Phát triển các vùng kinh tế, hành lang kinh tế, đô thị, khu vực nông thôn và phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng liên kết, hiện đại, bền vững

1. Tiếp tục cụ thể hóa và triển khai thực hiện hiệu quả định hướng Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị và quy hoạch tỉnh về phát triển các khu vực trọng điểm, các hành lang kinh tế và hệ thống đô thị

Tập trung phát triển các đô thị khu vực Vinh - Cửa Lò theo hướng đa trung tâm, hiện đại, thông minh, xanh, sạch, đẹp, an toàn; trở thành cực tăng trưởng mạnh của tỉnh và trung tâm vùng Bắc Trung Bộ về giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thương mại, dịch vụ, du lịch, logistics, công nghiệp công nghệ cao. Phát triển Khu kinh tế Đông Nam mở rộng trở thành khu vực kinh tế năng động, có sức cạnh tranh cao, trung tâm công nghiệp - dịch vụ - logistics gắn với hành lang kinh tế ven biển. Phát triển toàn diện, bền vững khu vực miền Tây, khai thác hiệu quả các tiềm năng kinh tế, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa và bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái.

Phát triển các hành lang kinh tế chiến lược, mở rộng không gian phát triển, tăng cường liên kết vùng, gồm: Hành lang kinh tế ven biển gắn với quốc lộ 1, đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đường ven biển, đường sắt Bắc - Nam và đường sắt tốc độ cao; hành lang kinh tế dọc tuyến đường Hồ Chí Minh; hành lang kinh tế quốc lộ 7A kết nối với cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn và hành lang kinh tế quốc lộ 48A.

Thực hiện hiệu quả chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh. Xây dựng hệ thống đô thị thông minh, hiện đại, xanh, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Hoàn thành các quy hoạch đô thị; xây dựng chương trình phát triển hạ tầng kỹ thuật khung; phát triển hạ tầng số, hạ tầng xanh, sử dụng vật liệu xanh; triển khai mô hình đô thị định hướng giao thông công cộng (TOD), có giải pháp khuyến khích người dân chuyển đổi phương tiện giao thông thân thiện với môi trường. Nâng cao chất lượng sống đô thị, đáp ứng nhu cầu về nhà ở, nước sạch, môi trường, hạ tầng xã hội.

Hình thành cơ chế điều phối phát triển hệ thống đô thị, các tiểu vùng và cụm liên xã. Tỉnh giữ vai trò chỉ đạo, điều phối chung, bảo đảm định hướng thống nhất và sử dụng hiệu quả nguồn lực. Các phường, xã trung tâm làm đầu mối, chủ trì phối hợp với các địa phương liên quan triển khai các nhiệm vụ cụ thể như: tổ chức quy hoạch không gian và phân khu chức năng; phát triển kết cấu hạ tầng; quản lý các dịch vụ công; bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên; thúc đẩy liên kết phát triển.

2. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, phát triển các trung tâm cụm xã gắn với phát triển kinh tế - xã hội nông thôn

Xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại, phát triển toàn diện, bền vững, gắn với đô thị hóa và giữ gìn bản sắc văn hóa. Nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, cấp thôn - bản. Phát triển nông thôn hiện đại gắn với tăng thu nhập, giảm nghèo, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, nhân rộng mô hình hợp tác xã, làng nghề sản xuất hàng hóa chất lượng cao. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn sản xuất nông nghiệp với du lịch, thương mại và giáo dục trải nghiệm. Nâng cao chất lượng, quy mô sản phẩm OCOP, phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ quy mô lớn. Đổi mới tổ chức sản xuất, nâng cao hiệu quả hợp tác xã. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân; nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề, năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ; xây dựng người nông dân phát triển toàn diện, có tri thức, văn minh, đổi mới, sáng tạo, hội nhập, có ý thức bảo vệ môi trường và đóng vai trò trung tâm trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nông thôn.

Rà soát, xác định các trung tâm cụm xã có vị trí thuận lợi, hình thành hạt nhân liên kết vùng nông thôn. Ưu tiên đầu tư hạ tầng thiết yếu, trường học, trạm y tế, chợ, điểm dịch vụ công tại trung tâm cụm xã. Phát triển mô hình liên kết kinh tế - xã hội theo cụm xã, gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

3. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu

Tiếp tục triển khai mạnh mẽ đột phá về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, tạo nền tảng thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững. Tập trung huy động, đa dạng hóa và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư, nhất là thúc đẩy mạnh mẽ xã hội hóa, hợp tác công - tư. Đẩy nhanh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số vào quản lý, khai thác, vận hành các công trình hạ tầng.

Ưu tiên đầu tư các dự án hạ tầng giao thông có tính kết nối, lan tỏa cao, bảo đảm liên kết giữa các phương thức vận tải, đặc biệt là các trục chiến lược kết nối vùng đồng bằng, ven biển với khu vực miền Tây, trọng tâm là quốc lộ

7 và quốc lộ 48. Nâng cấp các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường liên xã và xây dựng cầu lớn qua sông, hoàn thiện mạng lưới giao thông liên vùng. Đẩy nhanh hoàn thiện thủ tục, thu hút đầu tư các cảng biển chiến lược theo quy hoạch; nâng cấp Cảng hàng không quốc tế Vinh đạt tiêu chuẩn sân bay cấp 4E. Phối hợp triển khai thực hiện đúng tiến độ các dự án giao thông trọng điểm quốc gia đoạn qua địa bàn tỉnh.

Phát triển hệ thống thủy lợi đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước cho sản xuất, sinh hoạt và phòng, chống thiên tai. Tập trung đầu tư các công trình quan trọng như Đập sông Lam, Hồ Bản Mòng (giai đoạn 2), hệ thống thủy lợi Nam và đê sông Cả. Đầu tư, nâng cấp hồ đập, trạm bơm, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão; xây dựng, cải tạo công trình cấp nước tập trung.

Ưu tiên phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông hiện đại, đồng bộ, phục vụ chuyển đổi số toàn diện trong các ngành, lĩnh vực. Nâng cấp hạ tầng năng lượng, hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải phù hợp với quy hoạch. Tập trung đầu tư hệ thống hạ tầng xã hội về giáo dục, y tế, khoa học công nghệ, văn hóa, thể thao, dạy nghề và an sinh xã hội. Đẩy mạnh xây dựng nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp.

IV- Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững

Tập trung triển khai hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành một trong những đột phá chiến lược, động lực nền tảng cho tăng trưởng nhanh và bền vững của tỉnh.

Triển khai nhanh việc xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường thuận lợi thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong doanh nghiệp, cơ sở sản xuất - kinh doanh; ưu tiên các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng tâm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các ngành, lĩnh vực.

Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng và tiếp nhận chuyển giao công nghệ, nâng cao hiệu suất công nghệ, thương mại hóa sản phẩm, quy trình sản xuất, kinh doanh mới hoặc cải tiến đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù có lợi thế cạnh tranh, góp phần nâng cao giá trị gia tăng.

Tăng đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phân bổ nguồn lực nghiên cứu, ứng dụng theo hướng hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm. Xây dựng và thực hiện các chính sách đãi ngộ vượt trội đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, chuyên gia đầu ngành trong và ngoài tỉnh.

Phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại các khu, cụm công nghiệp trọng điểm; từng bước xây dựng Nghệ An trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ của khu vực Bắc Trung Bộ. Hình thành các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, không gian sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thúc đẩy phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, thương mại hóa sản phẩm, gắn kết với các sàn giao dịch công nghệ, mạng lưới đổi mới sáng tạo trong nước và quốc tế. Tập trung chỉ đạo triển khai các ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với những lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Mở rộng hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, trung tâm khoa học và công nghệ, tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ lớn trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

Tập trung chuyển đổi số toàn diện trên các lĩnh vực quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội. Hoàn thiện nền tảng dữ liệu số cấp tỉnh, phát triển hạ tầng số hiện đại, kết nối đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia. Thúc đẩy số hóa hồ sơ, thủ tục hành chính, phát triển các nền tảng số dùng chung, trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Phát triển xã hội số gắn với xây dựng công dân số. Đẩy mạnh phổ cập kỹ năng số cơ bản, nâng cao năng lực số cho cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất chuyển đổi mô hình hoạt động, tham gia hiệu quả vào nền kinh tế số. Phát huy vai trò của tổ công nghệ số cộng đồng, hướng dẫn người dân thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến toàn trình. Từng bước hình thành hệ sinh thái số của tỉnh, khai thác hiệu quả dữ liệu và tài nguyên số phục vụ quản trị, điều hành, nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

V- Quản lý, khai thác hiệu quả tài nguyên; bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai

Nâng cao chất lượng lập, tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung rà soát, quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả các loại tài nguyên, nhất là đất đai, khoáng sản, nước và rừng. Kiên quyết xử lý dứt điểm các dự án sử dụng đất chậm tiến độ, lãng phí; khắc phục tình trạng sử dụng đất kém hiệu quả tại các nông, lâm trường và tổng đội thanh niên xung phong. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, “không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế” khi xem xét, quyết định các chương trình, dự án đầu tư.

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và ứng dụng công nghệ trong quản lý tài nguyên, nhất là đất đai, khoáng sản; công khai, minh bạch trong cấp phép, khai thác, sử dụng tài nguyên. Bảo đảm khai thác đi đôi với bảo vệ, phục hồi và tái tạo tài nguyên. Tập trung quản lý, bảo vệ, phát triển rừng bền vững, nhất là rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn và các khu vực nhạy cảm sinh thái như Vườn quốc gia Pù Mát, Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huông, Pù Hoạt; thực hiện hiệu quả chính sách giao đất, giao rừng gắn với sinh kế bền vững cho người dân.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ môi trường, cải thiện chất lượng không khí, nước và đất. Tập trung xử lý dứt điểm các cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; kiểm soát ô nhiễm tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề truyền thống. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm về tài nguyên và môi trường, nhất là các vi phạm khai thác khoáng sản, xả thải gây ô nhiễm môi trường.

Thúc đẩy xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường; tuyên truyền, nâng cao ý thức người dân, doanh nghiệp trong phân loại, thu gom, xử lý rác thải. Thu hút đầu tư các nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải rắn bằng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường. Huy động nguồn lực đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các đô thị, khu công nghiệp, cơ sở y tế; giải quyết căn bản tình trạng ngập úng cục bộ tại các đô thị và một số vùng trũng thấp. Đảm bảo tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%; nâng cao tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn.

Chủ động triển khai các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Xây dựng hệ thống dự báo, cảnh báo sớm; đầu tư hạ tầng phòng, chống lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, nhất là khu vực miền núi cao, bờ sông, bờ biển. Phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; tham gia hiệu quả vào thị trường tín chỉ carbon và thực hiện các cam kết giảm phát thải, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 theo cam kết quốc gia.

VI- Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đời sống nhân dân và bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội

1. Phát triển toàn diện văn hóa và con người Nghệ An, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc, trở thành sức mạnh nội sinh cho phát triển

Tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa, con người Nghệ An toàn diện, đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới; phát huy mạnh mẽ bản sắc văn hóa xứ Nghệ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh. Xây dựng, lan

tỏa sâu rộng không gian văn hóa Hồ Chí Minh trở thành nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và động lực phát triển bền vững.

Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể; thúc đẩy sáng tạo văn hóa, kết nối văn hóa với công nghệ số. Phát triển công nghiệp văn hóa, thị trường văn hóa; đưa văn hóa trở thành sức mạnh mềm, nguồn lực phát triển và gia tăng lợi thế cạnh tranh.

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong gia đình, nhà trường, cộng đồng và không gian công vụ; chú trọng phát triển văn hóa chính trị, văn hóa công sở, văn hóa kinh doanh và đạo đức doanh nhân. Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, phát triển văn hóa đọc và học tập suốt đời.

Tăng cường giao lưu, hợp tác văn hóa; thu hút tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch mang tầm khu vực, quốc gia và quốc tế. Phát triển các sản phẩm văn hóa, du lịch đặc trưng; nâng cao hiệu quả các hoạt động văn hóa tiêu biểu như Lễ hội Làng Sen, Liên hoan Dân ca Ví - Giặm Nghệ Tĩnh. Nâng cao chất lượng biểu diễn nghệ thuật phục vụ Nhân dân, gắn với phát triển thị trường và du lịch văn hóa.

Chăm lo đội ngũ văn nghệ sỹ, nghệ nhân và những người làm công tác văn hóa; có chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển các bộ môn nghệ thuật truyền thống, khuyến khích sáng tác, trưng bày, quảng bá tác phẩm có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao.

Triển khai hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035. Tiếp tục đầu tư tôn tạo và phát huy giá trị các di sản, đặc biệt là Khu di tích quốc gia đặc biệt Kim Liên; bảo tồn hệ thống di tích lịch sử, di sản văn hóa phi vật thể. Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao; phát triển thư viện thông minh, bảo tàng số.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức, phương thức tuyên truyền trên nền tảng số; nâng cao chất lượng báo chí, xuất bản, truyền thông và quản lý mạng xã hội. Đẩy mạnh truyền thông tích cực, xây dựng chuẩn mực văn hóa, đạo đức, lối sống; đấu tranh với các biểu hiện lệch chuẩn, phản văn hóa và các hành vi vi phạm đạo đức xã hội.

Tập trung phát triển đồng bộ hạ tầng văn hóa, thể thao, thu hút đầu tư xây dựng Khu liên hợp thể thao đạt chuẩn quốc gia, quốc tế; quan tâm đầu tư thiết chế văn hóa cơ sở, thể thao phong trào và thành tích cao. Đẩy mạnh xã hội hóa, ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý và khai thác hiệu quả thiết chế. Phấn đấu xây dựng Nghệ An trở thành trung tâm phụ trợ huấn luyện thể thao thành tích cao của quốc gia.

2. Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển

Cụ thể hóa và tập trung thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Rà soát, hoàn thiện và triển khai đồng bộ chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn 2045; ưu tiên bố trí và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư công, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực cho phát triển giáo dục.

Hiện đại hóa hệ thống cơ sở giáo dục và đào tạo; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, vươn tầm khu vực và quốc tế; phát triển hệ thống giáo dục thông minh, trường trọng điểm chất lượng cao, trường tiên tiến, song ngữ, trường học số, từng bước hình thành đô thị giáo dục thông minh “kết nối - khám phá - khai phóng”. Xây dựng cơ chế đặc thù, thu hút nhà giáo, chuyên gia, nhà khoa học có uy tín trong nước và quốc tế đến làm việc, giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục của tỉnh. Phấn đấu đưa Trường Đại học Vinh trở thành đại học vùng, là trung tâm đào tạo, nghiên cứu uy tín của khu vực và thế giới.

Đổi mới chương trình và phương pháp dạy học theo hướng hiện đại, hội nhập, bảo đảm “học đi đôi với hành”, “lý thuyết gắn với thực tiễn”, “nhà trường gắn liền với xã hội”; chú trọng phát triển chương trình giáo dục địa phương; tăng cường giáo dục toàn diện, đức, trí, thể, mỹ, hình thành hệ giá trị con người Nghệ An trong kỷ nguyên phát triển mới.

Sắp xếp lại cơ sở giáo dục nghề nghiệp bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, đạt chuẩn; đổi mới mạnh mẽ chương trình, phương thức đào tạo bảo đảm hiệu, quả, thực chất theo tiêu chuẩn quốc tế. Ưu tiên đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong các ngành nghề kỹ thuật, công nghệ mới nổi. Thúc đẩy liên kết nhà trường với doanh nghiệp, tăng cường đào tạo tại doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

Từng bước hiện đại hóa giáo dục đại học, tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao, dẫn dắt nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; xây dựng trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo trong các trường đại học; khuyến khích liên kết với các cơ sở giáo dục uy tín trong và ngoài nước, nâng cao hiệu quả đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong giáo dục và đào tạo; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản trị, dạy học, kiểm tra, đánh giá; tiên phong đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong các cơ sở giáo dục. Khuyến khích cán bộ, đảng viên, Nhân dân tự học, hình thành văn hóa học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

3. Phát triển hệ thống y tế hiện đại, công bằng, bền vững; tạo đột phá trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân

Cụ thể hóa và thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị, phát triển hệ thống y tế hiện đại, công bằng, bền vững; tạo đột phá trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

Hoàn thiện quy hoạch và tổ chức hệ thống y tế đồng bộ, tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, bảo đảm liên thông từ tuyến tỉnh đến tuyến xã. Ưu tiên đầu tư hạ tầng, trang thiết bị và nguồn lực cho y tế cơ sở, nhất là miền núi, khu vực khó khăn; nâng cấp, nâng hạng bệnh viện tuyến tỉnh và các cơ sở khám chữa bệnh trọng điểm. củng cố năng lực y tế dự phòng, nâng cao khả năng giám sát, cảnh báo sớm và ứng phó kịp thời với dịch bệnh, thảm họa. Phát triển mô hình y học gia đình, tăng cường kết hợp quân - dân y, y tế công an.

Bảo đảm khả năng tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng, hướng tới bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân, thực hiện tốt chính sách miễn viện phí theo lộ trình và khám sức khỏe định kỳ cho Nhân dân. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, xây dựng hệ thống y tế thông minh, nâng cao hiệu quả quản lý sức khỏe và khám chữa bệnh.

Phát triển nguồn nhân lực y tế đồng bộ về số lượng, chất lượng và cơ cấu; có cơ chế, chính sách đặc thù trong đào tạo, sử dụng, đãi ngộ nhân lực y tế, nhất là cho y tế cơ sở, y tế dự phòng và vùng khó khăn. Gắn đào tạo chuyên môn với nâng cao y đức, tinh thần phục vụ Nhân dân; đẩy mạnh chuyển giao kỹ thuật từ tuyến trên xuống tuyến dưới.

Đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa dịch vụ y tế; phát triển y tế tư nhân, trung tâm chuyên sâu, cơ sở phục hồi chức năng, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật; kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền. Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm, hành nghề y, dược; gắn nâng cao chất lượng dân số với phát triển thể chất, trí tuệ, tầm vóc và tuổi thọ người dân. Thực hiện hiệu quả chính sách bảo trợ xã hội, chăm sóc trẻ em, người cao tuổi; tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh; huy động toàn xã hội tham gia phòng, chống tệ nạn, nâng cao sức khỏe Nhân dân.

4. Nâng cao hiệu quả công tác lao động, việc làm và bảo đảm an sinh xã hội, góp phần ổn định và phát triển xã hội bền vững

Phát triển đồng bộ, hiệu quả thị trường lao động của tỉnh; đẩy mạnh kết nối cung - cầu lao động giữa các cơ sở đào tạo, trung tâm dịch vụ việc làm với doanh nghiệp. Tổ chức các phiên giao dịch việc làm trực tuyến, lưu động tại các địa phương có tỷ lệ lao động đi làm xa cao. Tăng cường đào tạo nghề gắn với thị trường, chú trọng đào tạo chuyển đổi nghề cho lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số, phụ nữ và nhóm yếu thế. Hình thành, cập nhật

và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu lao động toàn tỉnh, kết nối đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Đẩy mạnh tuyên truyền, hỗ trợ phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, đặc biệt trong khu vực phi chính thức. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ tại các doanh nghiệp, kịp thời giải quyết tranh chấp lao động, đình công.

Tập trung giảm nghèo bền vững, bao trùm, hạn chế tái nghèo, nhất là tại các xã vùng đặc biệt khó khăn. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Đa dạng hóa sinh kế, hỗ trợ sản xuất, khơi dậy ý chí vươn lên, tự lực thoát nghèo trong đồng bào.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với người có công, người hưởng trợ cấp xã hội, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người cao tuổi, bảo đảm “không ai bị bỏ lại phía sau”. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng dịch vụ bảo trợ xã hội, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, phục hồi chức năng. Đẩy mạnh công tác bình đẳng giới, nâng cao vai trò, vị thế phụ nữ trong gia đình, xã hội; bảo vệ quyền trẻ em; thúc đẩy tiến bộ xã hội gắn với phát triển con người toàn diện.

5. Thường xuyên đặc biệt quan tâm, chú trọng thực hiện và nâng cao hiệu quả công tác dân tộc, tôn giáo

Triển khai kịp thời, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc, nâng cao nhận thức về công tác dân tộc trong tình hình mới. Tiếp tục ưu tiên xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, kết nối với các trung tâm phát triển. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Vận động đồng bào nâng cao ý thức tự lực, chủ động vươn lên phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, làm giàu cho gia đình và xã hội; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá tốt đẹp; bảo đảm quốc phòng, an ninh, khối đại đoàn kết. Chăm lo xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số.

Tổ chức triển khai có hiệu quả chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý gắn với nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật trong các hoạt động liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân. Chăm lo phát triển kinh tế - xã hội, phát triển hạ tầng, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần vùng đồng bào có đạo. Chủ động rà soát và xử lý kịp thời các kiến nghị hợp pháp, chính đáng liên quan đến hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp

luật, lợi dụng hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc và chống phá công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

VII- Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh

Quán triệt, triển khai kịp thời, hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, gắn với xây dựng thế trận lòng dân vững chắc. Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, của mỗi cán bộ, đảng viên và từng người dân đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong công tác bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn để phát triển. Xây dựng lực lượng vũ trang tinh thật sự trong sạch, vững mạnh toàn diện, cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và hiện đại. Bố trí lại khu vực phòng thủ phù hợp với đơn vị hành chính 2 cấp. Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm trong khu vực phòng thủ, xây dựng trụ sở, doanh trại hiện đại phù hợp với quy mô, tính chất của từng lực lượng; không ngừng nâng cao chất lượng, trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu. Tăng cường đầu tư trang thiết bị, đáp ứng yêu cầu thực hiện tốt nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại. Chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo sát, đúng tình hình, xử lý kịp thời các tình huống về quốc phòng, an ninh, các vấn đề trật tự, an toàn xã hội không để bị động, bất ngờ. Bảo đảm an ninh chính trị, giữ vững an ninh biên giới và vùng đặc thù. Thực hiện tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước; ứng phó kịp thời, hiệu quả với các vấn đề an ninh phi truyền thống. Thực hiện tốt công tác phòng ngừa, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội; tập trung làm sạch ma túy tại địa bàn cấp xã; kìm giữ và giảm tội phạm, tai nạn giao thông, cháy nổ. Giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề nảy sinh phức tạp ngay từ cơ sở, không để phát sinh "điểm nóng".

VIII- Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế toàn diện và thúc đẩy liên kết phát triển vùng

Đổi mới tư duy, phương thức triển khai công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, thực chất và hiệu quả theo định hướng tại Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị. Triển khai đồng bộ ba trụ cột: Đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân; thực

hiện hiệu quả chiến lược hội nhập quốc tế toàn diện, lấy hội nhập kinh tế làm trung tâm, hội nhập các lĩnh vực khác làm nền tảng.

Tăng cường củng cố và làm sâu sắc quan hệ hữu nghị truyền thống với các địa phương của nước bạn Lào, đặc biệt là các tỉnh có chung đường biên giới. Chủ động mở rộng hợp tác với các đối tác chiến lược, nhất là các quốc gia, vùng lãnh thổ có tiềm lực về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và năng lực hợp tác phát triển. Tận dụng các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để thúc đẩy xuất khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực ưu tiên của tỉnh và đưa sản phẩm, dịch vụ, nhân lực của Nghệ An tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

Đẩy mạnh quảng bá hình ảnh Nghệ An - Quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh, vùng đất di sản - hội nhập - phát triển. Đổi mới mạnh mẽ công tác thông tin đối ngoại dựa trên nền tảng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, góp phần thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực.

Xây dựng cơ chế thu hút và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức, doanh nhân kiều bào đầu tư, chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; hình thành mạng lưới chuyên gia người Nghệ An toàn cầu nhằm huy động chất xám, trí tuệ, kinh nghiệm kết nối nguồn lực quốc tế phục vụ phát triển tỉnh nhà.

Chủ động phối hợp chặt chẽ với các ban, bộ, ngành, nhất là Bộ Ngoại giao, các cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước ngoài, các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam để triển khai hiệu quả công tác đối ngoại. Mở rộng hợp tác với các tỉnh, thành phố trong nước, tiếp tục triển khai các hoạt động hợp tác chuyên sâu với tỉnh Thanh Hóa và tỉnh Hà Tĩnh để thực hiện các quy hoạch phát triển liên vùng.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX thể hiện ý chí, trí tuệ, sức mạnh tổng hợp và quyết tâm chính trị của Đảng bộ, chính quyền, lực lượng vũ trang và Nhân dân toàn tỉnh; tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, đổi mới toàn diện, phát triển đột phá, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đã đề ra, thiết thực kỷ niệm 1000 năm danh xưng Nghệ An, tự tin cùng cả nước bước vào kỷ nguyên phát triển giàu mạnh, văn minh, thịnh vượng.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ

(Đã ký)

Nguyễn Đức Trung

PHỤ LỤC 1
TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU
NHIỆM KỲ 2021 - 2025

TT	Tên chỉ tiêu	Mục tiêu	Kết quả thực hiện	So với mục tiêu
I	Chỉ tiêu kinh tế			
1	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) (%)	9,5 - 10,5	8,3 - 8,5	Không đạt
-	Nông, lâm, thủy sản (%)	4,5 - 5	4,55	
-	Công nghiệp - Xây dựng (%)	14,5 - 5	11,85	
	Trong đó công nghiệp (%)	16,5 - 17,5	14,78	
-	Dịch vụ (%)	9 - 10	7,7	
2	Cơ cấu kinh tế	100	100	Cơ bản phù hợp
-	Nông, lâm, thủy sản (%)	19 - 20	20,58	
-	Công nghiệp - Xây dựng (%)	38 - 39	32,98	
-	Dịch vụ (%)	42 - 43	42,13	
3	GRDP bình quân đầu người (triệu VND/năm)	83	71 - 72	Không đạt
4	Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2025 (triệu USD)	1.765	4.500	Vượt
5	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025 (tỷ VND)	26.000 - 30.000	26.000	Đạt
6	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đến năm 2025 (tỷ VND)	500	500,737	Vượt
7	Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh (%)	36	36	Đạt
II	Chỉ tiêu môi trường			
8	Tỷ lệ che phủ rừng %	58	58	Đạt
9	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh			

-	Tỷ lệ dân đô thị loại 4 trở lên được dùng nước sạch (%)	93 - 95	93	Đạt
-	Tỷ lệ dân đô thị loại 5 được dùng nước sạch (%)	85 - 87	91	Vượt
-	Tỷ lệ dân nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh (%)	90	90	Đạt
10	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (%)	100	100	Đạt
11	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý (%)	100	100	Đạt
12	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị (%)	97	97,3	Đạt
-	Tỷ lệ chất thải sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường (%)	90	96	Đạt
III	Chỉ tiêu văn hóa - xã hội			
13	Tỷ lệ xóm, bản, khối phố văn hóa (%)	71 - 73	73	Đạt
-	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có thiết chế VH TT đạt chuẩn quốc gia (%)	82	82	Đạt
14	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia năm 2025 (%)	75 - 78	80,5	Vượt
15	Số giường bệnh trên vạn dân (%)	39	42,75	Vượt
-	Số bác sỹ trên vạn dân (người)	13	13,2	Vượt
16	Tốc độ tăng dân số tự nhiên (%)	1,2	1,2	Đạt
17	Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động (%)	71,5	72	Đạt

-	Có bằng cấp chứng chỉ (%)	31	31	Đạt
-	Lao động được giải quyết việc làm bình quân hàng năm	37 - 38	46	Vượt
-	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị (%)	<3	2,11	Đạt
18	Giảm tỷ lệ hộ nghèo (%)	1 - 1,5	1	Đạt
-	Tỷ lệ hộ nghèo vùng miền núi (%)	2 - 3	2,09	Đạt
19	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (%)	95	95	Đạt
-	Tỷ lệ lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội (%)	26 - 27	26,5	Đạt
20	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới. Trong đó: (%)	82	75,97	Tỷ lệ xã NTM chưa đạt; tỷ lệ xã NTM nâng cao và kiểu mẫu vượt
-	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí Nông thôn mới nâng cao (%)	20	37,09	
-	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí Nông thôn mới kiểu mẫu (%)	5	5,81	
IV	Chỉ tiêu quốc phòng, an ninh			
21	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện có tiềm lực và thế trận khu vực phòng thủ vững chắc (%)	100	100	Đạt
22	Tỷ lệ xã phường đạt cơ sở an toàn làm chủ, vững mạnh toàn diện (%)	90	97	Vượt
V	Chỉ tiêu xây dựng đảng, xây dựng hệ thống chính trị	Mục tiêu	Kết quả thực hiện	So với mục tiêu
23	Số tổ chức cơ sở đảng được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (%)	90	95.6	Vượt
	Số chức cơ sở đảng bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ (%).	0	0,51	Không đạt

24	Khối, xóm, bản có tổ chức đảng (%)	100	100	Đạt
	Khối, xóm, bản có đảng viên tại chỗ (%)	99	99	Đạt
	Khối, xóm, bản trở lên có xóm trưởng là đảng viên (%).	90	84.9	Không đạt
25	Kết nạp mới bình quân hàng năm (người)	4.500 - 5.000	4.643	Đạt
26	Đội ngũ cán bộ các cấp đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định			
-	Cấp tỉnh:			
	Cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh dưới 40 tuổi (%)	10 - 15	4,8	Không đạt
	Tỷ lệ cấp ủy viên nữ, có cán bộ nữ trong ban thường vụ (%)	15	18,5 (BCH) 17,6 (BTV)	Vượt
-	Cấp huyện:			
	Cán bộ lãnh đạo chủ chốt và ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp huyện dưới 40 tuổi (%)	10 - 15	5,8	Không đạt
	Cơ bản hoàn thành việc bố trí bí thư cấp ủy cấp huyện không phải là người địa phương	Cơ bản	90	Đạt
	Tỷ lệ cấp ủy viên nữ và có cán bộ nữ trong ban thường vụ (%).	15	18,2 (BCH); 14,5 (BTV)	Đạt và vượt

PHỤ LỤC 2
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NHIỆM KỲ 2025 - 2030

TT	Tên chỉ tiêu	Mục tiêu đến năm 2030
I	Chỉ tiêu xây dựng đảng và hệ thống chính trị	
1	Chất lượng tổ chức đảng:	
-	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hàng năm (%)	90 - 95
-	Tỷ lệ đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hàng năm (%)	90 - 95
2	Chất lượng cán bộ:	
-	Tỷ lệ cán bộ diện Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy quản lý hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hàng năm (%)	90 - 95
-	Tỷ lệ cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hàng năm (%)	90 - 95
3	Tinh gọn đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị và tinh giản biên chế bảo đảm chỉ tiêu Trung ương giao	Hoàn thành
4	Tỷ lệ đảng viên kết nạp hàng năm (so với tổng số đảng viên của Đảng bộ tỉnh năm trước đó (%))	03 - 04
5	Cơ bản hình thành và vận hành hiệu quả chính quyền số hiện đại trước năm 2030.	Hoàn thành
II	Chỉ tiêu kinh tế, khoa học, công nghệ	
6	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành (tỷ đồng)	517.170
-	Quy mô GRDP so với GDP (%)	1,96
-	Cơ cấu GRDP (%)	100
+	Nông, lâm nghiệp và thủy sản (%)	13 - 13,5
+	Công nghiệp và xây dựng (%)	41 - 41,5

	<i>Công nghiệp (%)</i>	25
	<i>Công nghiệp chế biến, chế tạo (%)</i>	18,5
+	Dịch vụ (%)	40 - 40,5
+	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm (%)	4,5 - 5
7	Tốc độ tăng GRDP bình quân giai đoạn 2026 - 2030 (theo giá so sánh)	12% trở lên
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản (%)	4,5 - 5
-	Công nghiệp và xây dựng (%)	15 - 16
	<i>Công nghiệp (%)</i>	17,5 - 18,5
	<i>Công nghiệp chế biến, chế tạo (%)</i>	20,0
-	Dịch vụ (%)	12 - 13
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm (%)	7 - 8
8	GRDP bình quân đầu người (triệu đồng /năm) (giá hiện hành)	165 – 190
9	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP (%)	25 - 30
10	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn (tỷ lệ tăng % bình quân/ năm)	12% trở lên
11	Vốn đầu tư trên địa bàn giai đoạn 2026 - 2030 theo giá hiện hành (nghìn tỷ đồng)	1.150
12	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP (%)	57,3
13	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế (%)	55,0
14	Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	9.000
15	Số doanh nghiệp hoạt động (nghìn doanh nghiệp)	30 - 32
	<i>Trong đó, có hoạt động đổi mới sáng tạo (%)</i>	>40
III	Chỉ tiêu văn hóa - xã hội	
16	Dân số trung bình (nghìn người)	3.657

17	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (tuổi)	75 - 75,5
18	Chỉ số phát triển con người (HDI)	0,78
19	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế (nghìn người)	1.652
20	Tỷ trọng lao động có việc làm trong nền kinh tế (%)	100
21	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo (%)	77
	<i>Trong đó, có bằng, chứng chỉ (%)</i>	38
22	Tỷ lệ thất nghiệp (%)	<2,5
	<i>Thành thị (%)</i>	<2,5
	<i>Nông thôn (%)</i>	<2,5
23	Năng suất lao động theo giá hiện hành (triệu đồng/lao động)	285
	<i>Năng suất lao động theo giá so sánh (triệu đồng/lao động)</i>	130,1
	<i>Tốc độ tăng năng suất lao động theo giá so sánh (%)</i>	10 - 11
24	Số bác sỹ bình quân trên 10.000 dân (người)	17
25	Số giường bệnh trên 10.000 dân (giường)	>50
26	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (%)	>95
27	Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia (%)	85
28	Giảm tỷ lệ nghèo đa chiều (điểm %/năm)	0,5 - 1,5%
29	Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng (nghìn đồng)	8.179
30	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	
-	<i>Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (%)</i>	100
-	<i>Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn (%)</i>	60
31	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (%)	80
-	<i>Đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (%)</i>	50
-	<i>Đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (%)</i>	15

32	Xây dựng nhà ở xã hội giai đoạn 2026 - 2030 (căn hộ)	25.500
IV	Chỉ tiêu về môi trường	
33	Tỷ lệ che phủ rừng (%)	58
34	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý (%)	99
35	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý (%)	100
36	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn (%)	97
37	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (%)	100
V	Chỉ tiêu quốc phòng, an ninh	
38	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự hằng năm (%)	>80
39	Tỷ lệ đơn vị cấp xã sạch về ma túy (%)	58